

CÔNG TY TNHH SACHICO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SACHICO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SACHICO VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SACHICO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108626434

3. Ngày thành lập: 28/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, Ngõ 6, đường Đông Ngạc, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
2.	Sản xuất chè	1076
3.	Sản xuất cà phê	1077
4.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh	4773
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
6.	Trồng cây hàng năm khác	0119
7.	Trồng cây cao su	0125
8.	Trồng cây cà phê	0126
9.	Trồng cây chè	0127
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Chăn nuôi khác	0149
12.	Trồng cây lâu năm khác	0129
13.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
14.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
15.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
16.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132

17.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
18.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
21.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
28.	Khai thác thủy sản biển	0311
29.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
30.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
35.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
36.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
37.	Sản xuất đường	1072
38.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất thực phẩm chức năng)	1079
41.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
43.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
44.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
45.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng)	2011

46.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Nhóm này gồm: - Sản xuất phân bón như: + Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, + Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính; - Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng; - Sản xuất than tổ ong; - Sản xuất than trấu, than thiêu kết	2012
47.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Nhóm này gồm: - Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ; - Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);	2021
48.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như Dầu mỡ, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da, + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn, + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, + Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng, + Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác; - Sản xuất mực viết và mực vẽ; - Sản xuất diêm; - Sản xuất hương các loại	2029
49.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030

50.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc	2100
51.	Trồng lúa	0111
52.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
53.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
54.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
55.	Trồng cây lấy sợi	0116
56.	Trồng cây điều	0123
57.	Trồng cây hồ tiêu	0124
58.	Trồng cây mía	0114
59.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620(Chính)
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
63.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mì, bột mì, ngô	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
68.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
69.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
70.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
71.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
72.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát Sản xuất bột thô	1061
73.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

74.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
75.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
76.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; - Bán buôn thuốc trừ sâu; - Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp: Thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây, các hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH DUY	Số 22, ngõ 6, đường Đông Ngạc, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	B4092523	
2	PHAN THỊ TÍNH	Số 22, ngõ 6, đường Đông Ngạc, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	012993352	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THỊ TÍNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012993352

Ngày cấp: 26/07/2007

Nơi cấp: Công An Thành Phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22, ngõ 6, đường Đông Ngạc, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 22, ngõ 6, đường Đông Ngạc, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội